

DANH SÁCH SV ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
THÁNG 09 NĂM 2025 (DỮ LIỆU CẬP NHẬT HẾT NGÀY 25/09/2025)

(kèm theo Công văn số: /ĐT ngày tháng năm 2025 của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại
1	QH-2019-I/CQ-S-AE	19021201	Lê Văn Vinh	09/09/2000	Nam	Thanh Hóa	3.07	Khá
2	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021412	Nguyễn Lâm Anh	25/08/2001	Nam	Thanh Hóa	2.34	Trung bình
3	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021405	Chữ Việt Anh	26/10/2001	Nam	Hà Nội	2.98	Khá
4	QH-2019-I/CQ-E-EC	19021418	Hồ Trần Bình	28/09/2001	Nam	Hưng Yên	2.51	Khá
5	QH-2019-I/CQ-M-MT	19021023	Nguyễn Quang Dũng	18/03/2001	Nam	Bắc Ninh	2.86	Khá
6	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020901	Phan Xuân Đức	15/06/2001	Nam	Lâm Đồng	2.28	Trung bình
7	QH-2019-I/CQ-C-CE	19020917	Nguyễn Khánh Hiệp	05/01/2001	Nam	Hải Phòng	2.63	Khá
8	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020353	Lê Thành Long	10/06/2001	Nam	Hưng Yên	2.56	Khá
9	QH-2019-I/CQ-I-IT	19020386	Nguyễn Minh Ngọc	07/05/2001	Nam	Hưng Yên	2.46	Trung bình
10	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021235	Nguyễn Hoàng	19/01/2002	Nam	Hà Nội	2.88	Khá
11	QH-2020-I/CQ-S-AE	20021239	Trịnh Việt Huy	27/09/2002	Nam	Hà Nội	2.50	Khá
12	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021145	Tòng Duy Hưng	09/07/2002	Nam	Sơn La	2.31	Trung bình
13	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021159	Trần Đức Mạnh	23/11/2002	Nam	Phú Thọ	2.46	Trung bình
14	QH-2020-I/CQ-M-MT	20021100	Hoàng Minh Dũng	06/05/2002	Nam	Hà Nội	2.55	Khá
15	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020963	Lục Thị Minh Châu	16/01/2002	Nữ	Cao Bằng	3.31	Giỏi
16	QH-2020-I/CQ-C-CE	20020966	Hoàng Mạnh Cường	28/12/2002	Nam	Thái Nguyên	2.33	Trung bình
17	QH-2020-I/CQ-C-CE	20021053	Nguyễn Danh Tân	11/01/2002	Nam	Ninh Bình	2.53	Khá
18	QH-2020-I/CQ-G-AT	20020544	Đinh Đức Lương	11/08/2002	Nam	Ninh Bình	2.31	Trung bình
19	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020447	Nguyễn Hải Nam	01/08/2002	Nam	Phú Thọ	3.22	Giỏi
20	QH-2020-I/CQ-I-IT	20020335	Kha Văn Thương	30/08/2001	Nam	Nghệ An	2.87	Khá
21	QH-2020-I/CQ-I-IT20	20020272	Hoàng Minh Quân	24/10/2002	Nam	Hà Nội	2.55	Khá
22	QH-2020-I/CQ-M-EM	20020903	Nguyễn Trọng Hùng	20/08/2002	Nam	Thanh Hóa	2.95	Khá
23	QH-2020-I/CQ-P-EE	20020778	Trần Văn Đô	14/09/2002	Nam	Hà Nội	3.44	Giỏi
24	QH-2020-I/CQ-M-AT	20020009	Nguyễn Hải Đăng	19/07/2002	Nam	Ninh Bình	2.69	Khá
25	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021391	Đỗ Đức Minh	23/01/2002	Nam	Ninh Bình	2.98	Khá
26	QH-2020-I/CQ-I-CS	20020015	Phạm Nguyễn Tuấn Hoàng	22/04/2002	Nam	Hưng Yên	3.28	Giỏi
27	QH-2020-I/CQ-I-CS	20021457	Nguyễn Việt Trung	01/01/2002	Nam	Ninh Bình	2.67	Khá
28	QH-2021-I/CQ-E-EC	21021561	Lê Đức Au	29/09/2003	Nam	Thái Nguyên	3.04	Khá
29	QH-2021-I/CQ-E-EC	21021564	Phạm Duy Chiến	28/07/2003	Nam	Quảng Ninh	2.79	Khá
30	QH-2021-I/CQ-E-EC	21021603	Nguyễn Khắc Kiên	05/12/2003	Nam	Phú Thọ	3.26	Giỏi
31	QH-2021-I/CQ-E-EC	21020703	Nguyễn Khánh Sơn	18/03/2003	Nam	Hà Nội	3.07	Khá
32	QH-2021-I/CQ-E-EC	21021650	Nguyễn Đình Quang Vinh	11/01/2003	Nam	Nghệ An	2.62	Khá
33	QH-2021-I/CQ-M-MT	21021333	Hà Duy Linh	04/02/2003	Nam	Hải Phòng	3.02	Khá
34	QH-2021-I/CQ-M-MT	21021273	Đồng Văn Dũng	01/06/2003	Nam	Bắc Ninh	3.23	Giỏi
35	QH-2021-I/CQ-M-MT	21021286	Đặng Xuân Đăng	17/08/2003	Nam	Hà Nội	2.84	Khá
36	QH-2021-I/CQ-M-MT	21021312	Đặng Văn Huy	28/08/2002	Nam	Thanh Hóa	2.94	Khá
37	QH-2021-I/CQ-M-MT	21020587	Nguyễn Đức Huy	08/09/2003	Nam	Hà Nội	2.76	Khá
38	QH-2021-I/CQ-M-MT	21021326	Phùng Mạnh Khang	02/07/2003	Nam	Bắc Ninh	3.40	Giỏi
39	QH-2021-I/CQ-M-MT	21020588	Lê Hoàng Lâm	05/09/2003	Nam	Hà Nội	3.00	Khá

TT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại
40	QH-2021-I/CQ-M-MT	21020589	Đào Đức Minh	05/11/2003	Nam	Hà Nội	2.51	Khá
41	QH-2021-I/CQ-M-MT	21021348	Lê Quý Như Ngọc	20/10/2003	Nam	Thanh Hóa	3.36	Giỏi
42	QH-2021-I/CQ-M-MT	21021389	Nguyễn Hải Tùng	20/07/2003	Nam	Hà Nội	3.6	Xuất sắc
43	QH-2021-I/CQ-C-CE	21021150	Phạm Việt Anh	30/11/2003	Nam	Hưng Yên	2.93	Khá
44	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020750	Quách Lê Hải Anh	14/10/2002	Nam	Ninh Bình	2.58	Khá
45	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020757	Nguyễn Đăng Dương	07/05/2003	Nam	Hà Nội	3.31	Giỏi
46	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020320	Phạm Minh Hiếu	14/04/2003	Nam	Quảng Ninh	3.27	Giỏi
47	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020763	Phùng Huy Hoàng	06/09/2003	Nam	Lạng Sơn	2.72	Khá
48	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020329	Đào Quang Huy	24/09/2003	Nam	Lạng Sơn	3.15	Khá
49	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020360	Hà Hải Nam	03/08/2003	Nam	Hải Phòng	3.60	Xuất sắc
50	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020365	Đỗ Tuấn Nghĩa	19/12/2002	Nam	Phú Thọ	3.38	Giỏi
51	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020780	Trần Võ Khôi Nguyên	25/06/2003	Nam	Nghệ An	3.31	Giỏi
52	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020362	Đinh Văn Ninh	18/07/2003	Nam	Ninh Bình	3.40	Giỏi
53	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020001	Nguyễn Việt Anh	12/12/2003	Nam	Hải Phòng	3.51	Giỏi
54	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020037	Nguyễn Đức Thuận	01/01/2003	Nam	Bắc Ninh	3.67	Xuất sắc
55	QH-2021-I/CQ-I-IT	21020033	Vũ Quốc Tuấn	01/11/2003	Nam	Ninh Bình	3.75	Xuất sắc
56	QH-2021-I/CQ-E-CE	21020901	Mai Anh Đức	16/08/2003	Nam	Ninh Bình	3.28	Giỏi
57	QH-2021-I/CQ-E-CE	21020440	Mai Quang Huy	09/04/2003	Nam	Phú Thọ	3.05	Khá
58	QH-2021-I/CQ-E-CE	21020447	Nguyễn Mai Linh	29/06/2003	Nữ	Ninh Bình	3.19	Khá
59	QH-2021-I/CQ-E-CE	21020450	Nguyễn Công Minh	01/09/2003	Nam	Phú Thọ	3.10	Khá
60	QH-2021-I/CQ-I-CS	21020172	Lê Huy Bình	05/09/2003	Nam	Hà Nội	3.28	Giỏi
61	QH-2021-I/CQ-I-CS	21021467	Nguyễn Hoàng Anh Dũng	26/02/2003	Nam	Hải Phòng	3.24	Giỏi
62	QH-2021-I/CQ-I-CS	21020181	Nguyễn Đức Dương	15/09/2003	Nam	Bắc Ninh	3.22	Giỏi
63	QH-2021-I/CQ-I-CS	21021520	Trần Đức Minh	21/09/2003	Nam	Lào Cai	2.58	Khá
64	QH-2021-I/CQ-I-CS	21020529	Trần Trọng Quân	26/02/2003	Nam	Nghệ An	2.90	Khá
65	QH-2021-I/CQ-I-CS	21021544	Hoàng Minh Thắng	16/05/2003	Nam	Thái Nguyên	3.20	Giỏi

Ấn định danh sách có 65 sinh viên./.